TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2021.
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trung Kiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Ban**.

2. Bà **Ngô Thị Luân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cương** – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2021 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Cill A, sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn C, xã X, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: anh Bon Dơng Ha B, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn M, xã T, huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Cill A có mặt tại phiên tòa; anh Bon Dơng Ha B vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Cill A trình bày:

Năm 2001, chị và anh Bon Dơng Ha B về chung sống với nhau, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng kí kết hôn với nhau ngày 20/9/2005 tại UBND xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm ăn tại xã Tà Nung, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng diễn ra hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được. Tuy nhiên đến đầu năm 2015 thì bắt đầu xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất hòa, cãi nhau rất

thường xuyên. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống. Vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung trong gia đình, khoảng cách giữa vợ chồng ngày càng nhiều, không khí gia đình lúc nào cũng trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm nhưng đều không được. Từ đầu năm 2015 tới nay chị và anh B đã sống ly thân. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tiếp tục kéo dài chỉ khiến cả hai mệt mỏi và ảnh hưởng đến các con nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết ly hôn với anh Bon Dơng Ha B.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung là Cill A1, sinh ngày 21/8/2001; Cill A2, sinh ngày 18/01/2004 và Cill A3, sinh ngày 15/02/2006. Hiện nay cháu A1đã trưởng thành và phát triển bình thường, nên chị không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án xem xét giao con là cháu A2 và cháu A3 cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: chị xác định vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra chị Cill A không có yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2021, bị đơn anh Bon Dơng Ha B trình bày:

Anh và chị Cill A sống chung như vợ chồng năm 2000, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015, thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm, mỗi người một suy nghĩ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Anh chuyển đến sinh sống tại thôn 10, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà từ năm 2015 đến nay và từ đó vợ chồng cũng sống ly thân. Nay, chị Cill A yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung như chị Cill A trình bày. Hiện cháu A1đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường. Khi ly hôn anh đồng ý giao hai cháu nhỏ cho chị Cill A nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có và không yêu cầu gì.

Về nợ chung: Anh xác định không có.

Do bận công việc không thể đến Tòa án theo sự triệu tập của Tòa án được nên anh Bon Dơng Ha B đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng do anh Bon Dơng Ha B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cill A về việc xin ly hôn với anh Bon Dơng Ha B. Giao 02 con chung là Cill A2, sinh ngày 18/01/2004 và Cill A3, sinh ngày 15/02/2006 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Bon Dơng Ha B vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Bon Dơng Ha B là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Cill A và anh Bon Dơng Ha B xây dựng gia đình với nhau năm 2001, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện. Đến năm 2005, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Tại phiên tòa, chị Cill A xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, cả hai đều có cuộc sống riêng nên chị Cill A giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, còn tại Biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt anh Bon Dơng Ha B cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Cill A. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Cill A và anh Bon Dơng Ha B đã trầm trọng, kéo dài, thời gian ly thân đã lâu nhưng tình cảm không cải thiện được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Cill A, xử cho chị Cill A và anh Bon Dơng Ha B được ly hôn là phù hợp.

[3] *Về con chung*:

[3.1] Chị Cill A và anh Bon Dơng Ha B có 03 (ba) con chung là Cill A1, sinh ngày 21/8/2001; Cill A2, sinh ngày 18/01/2004 và Cill A3, sinh ngày 15/02/2006. Hiện nay cháu Cill A1 đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị Cill A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Cill A2, sinh ngày 18/01/2004 và Cill A3, sinh ngày 15/02/2006. Anh Bon Dơng Ha B đồng ý. Xét thấy, kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung vẫn do chị Cill A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, các Trẻ khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hơn nữa, các Trẻ đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao 02 con chung là Cill A2, sinh ngày 18/01/2004 và Cill A3, sinh ngày

15/02/2006 cho chị Cill A tiếp tục có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các Trẻ là phù hợp. Đối với con chung là Cill A1, sinh ngày 21/8/2001, hiện đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên không xem xét giao cho chị Cill A hay anh Bon Dơng Ha B có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục mà đây là trách nhiệm làm cha, làm mẹ của chị Cill A và anh Bon Dơng Ha B với con.

[3.2] Về việc cấp dưỡng nuôi con chị Cill A không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: các đương sự xác định không có và không yêu cầu gì nên không đặt ra để xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Các đương sự xác định không có nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: chị Cill A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Cill A, xử cho chị Cill A và anh Bon Dơng Ha B được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao hai con chung là Cill A2, sinh ngày 18/01/2004 và Cill A3, sinh ngày 15/02/2006 cho chị Cill A có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con. Anh Bon Dơng Ha B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với con chung là Cill A1, sinh ngày 21/8/2001, hiện đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét giao cho chị Cill A hay anh Bon Dơng Ha B có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục mà đây là trách nhiệm làm cha, làm mẹ của chị Cill A và anh Bon Dơng Ha B đối với con.

3. Về án phí: Chị Cill A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Cill A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số AA/2016/0015289 ngày 22/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Cill A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Cill A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (24/6/2021). Anh Bon Dơng Ha B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ – Tòa án.

Lê Trung Kiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Kiên